

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST

Ngày 07 - 11 - 2019

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Sơn và ông Nguyễn Xuân Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hồng C, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Thôn Tân T, xã Kỳ G, huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đình T, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn Trung T, xã Quảng S, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình. (Anh Trần Đình T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2019, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Trần Thị Hồng C trình bày:

Chị và anh Trần Đình T lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kỳ G, huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh ngày 22/12/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ của anh T tại thôn Trung T, xã Quảng S, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình, vợ chồng sống hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Vì vậy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, năm 2010 chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Đình Đ, sinh ngày 18/9/2009, hiện nay đang ở với chị, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Đình T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập anh Trần Đình T đến Tòa án để giải quyết việc chị Trần Thị Hồng C xin ly hôn, nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Ngày 21/10/2019 anh T làm đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày: Anh và chị Trần Thị Hồng C có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện đúng như lời trình bày của chị Cẩm. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ của anh tại xã Quảng S, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, hay xảy ra cãi vã. Vì vậy, vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung là Trần Đình Đ, sinh ngày 18/9/2009, hiện nay đang ở với chị C. Sau khi ly hôn chị C có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung thì anh cũng nhất trí.

Về tài sản chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập anh Trần Đình T đến Tòa án để giải quyết việc chị Trần Thị Hồng C xin ly hôn, nhưng anh T vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết, đến ngày 21/10/2019 anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ,

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng C và anh Trần Đình T yêu nhau tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22/12/2008 tại UBND xã Kỳ G, huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh là hôn nhân hợp pháp. Sau khi lấy nhau vợ chồng về sống với bố mẹ đẻ của anh T tại xã Quảng S, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị C chuyển về nhà bố mẹ chị ở tỉnh Hà Tĩnh sinh sống, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Chị C làm đơn xin ly hôn thì anh T cũng đồng ý (Theo đơn xin xét xử vắng mặt của anh T). Xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được. Vì vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị C và anh T là có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị C và anh T có 01 con chung là Trần Đình Đ, sinh ngày 18/9/2009, hiện nay cháu Đ đang ở với chị C. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ điều kiện, anh T cũng đồng ý (Theo đơn xin xét xử vắng mặt của anh T), mặt khác hiện nay con chung đang ở với chị C và đang học tập, sinh sống ổn định. Vì vậy, cần tiếp tục giao con chung là Trần Đình Đ, sinh ngày 18/9/2019 cho chị C chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Hồng C và anh Trần Đình T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Hồng C thỏa thuận chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 55, 57 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt anh Trần Đình T.

2. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng C và anh Trần Đình T.

3. Về quan hệ con chung: Giao con chung Trần Đình Đ, sinh ngày 18/9/2009 cho chị Trần Thị Hồng C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Đình T không cấp dưỡng nuôi con chung vì chị C có đủ điều kiện và không yêu cầu. Anh Trung được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Hồng C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002219 ngày 09/9/2019. (Chị Trần Thị Hồng C đã nộp đủ án phí).

Chị Trần Thị Hồng C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Trần Đình T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi anh T thường trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- UBND xã Kỳ G;
- Lưu VP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dương